TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 05 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số 190/20 đường H, Phường C, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông Ngô Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 27/36/18 đường T, khu phố N, phường L, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2016 đăng ký ngày 12/11/2016 tại UBND Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống giữa ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay đã ly thân, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Trích lục khai sinh số 441/TLKS-BS, ngày 14/11/2016 tại UBND Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông T, bà N thì ông bà có 01 (một) con chung, họ và tên là Ngô Thế A, sinh ngày 24/6/2016.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn bà N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô Thế A, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, cấp dưỡng từ ngày 05 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Xét, thỏa thuận này của các đương là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N xác nhận tài sản chung không có.

[4] Về nợ chung: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N xác nhận nợ chung không có.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015 đăng ký ngày 13/08/2015 tại UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N có 01 (một) con chung, họ và tên là Ngô Thế A, sinh ngày 24/6/2016.

Cả hai thỏa thuận sau khi vợ chồng ly hôn bà N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô Thế A, ông Tâm tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng

5.000.000 (năm triệu) đồng, cấp dưỡng từ ngày 05 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp ông Ngô Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Ngô Thanh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N xác nhận tài sản chung không có.

1.4. Về nợ chung: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N xác nhận nợ chung không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Thanh T và bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N cùng chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009596 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa